

Điều 82. - Căn cứ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm.

Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi có một trong những căn cứ sau đây:

1. Mới phát hiện được tình tiết quan trọng của vụ án mà đương sự đã không thể biết được khi giải quyết vụ án;

2. Có cơ sở chứng minh kết luận của người giám định, lời dịch của người phiên dịch không đúng sự thật hoặc có giả mạo bằng chứng;

3. Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án;

4. Bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước mà Tòa án dựa vào đó để giải quyết vụ án đã bị hủy bỏ.

Điều 83. - Thời hạn kháng nghị; thông báo việc kháng nghị.

1. Thời hạn kháng nghị theo thủ tục tái thẩm là một năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Bản kháng nghị và hồ sơ vụ án phải được gửi cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu trong thời hạn mười ngày.

3. Bản sao bản kháng nghị phải được gửi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng nghị.

Điều 84. - Thời hạn xét xử tái thẩm.

Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Tòa án phải mở phiên tòa tái thẩm.

Điều 85. - Thẩm quyền tái thẩm, phiên tòa tái thẩm.

Các quy định tại Điều 78 và Điều 79 của Pháp lệnh này cũng được áp dụng đối với việc xét xử tái thẩm.

Điều 86. - Quyền hạn của Hội đồng xét xử tái thẩm.

Hội đồng xét xử tái thẩm có quyền:

1. Giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

2. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại;

3. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, đình chỉ việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 39 của Pháp lệnh này.

Chương XIII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 87. - Giải quyết các tranh chấp kinh tế có nhân tố nước ngoài.

Các quy định của Pháp lệnh này cũng được áp dụng đối với việc giải quyết các tranh chấp kinh tế tại Việt Nam, nếu một hoặc các bên là cá nhân, pháp nhân nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Điều 88. - Thi hành các bản án, quyết định của Tòa án.

Bản án, quyết định của Tòa án về vụ án kinh tế được thi hành theo Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

Điều 89. - Hiệu lực của Pháp lệnh.

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 1994.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 90. - Hướng dẫn thi hành.

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi chức năng của mình hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 30-CP ngày 4-4-1994 về việc thành lập Đại học Huế.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tờ trình số 6395-TCCB ngày 13-10-1993) và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. - Thành lập Đại học Huế trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại các Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Tổng hợp Huế, Trường Đại học Nông nghiệp 2 Huế, Trường Đại học Y Huế, Trường Cao Đẳng Mỹ thuật Huế.

Điều 2. - Đại học Huế là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học khu vực và đa ngành. Đại học Huế có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 3. - Đại học Huế có các nhiệm vụ chính sau:

1. Đào tạo cán bộ các ngành khoa học và công nghệ với các trình độ đại học, sau đại học và các cấp học thấp hơn.

2. Nghiên cứu khoa học, công nghệ, gắn với giảng dạy, đào tạo, thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

Điều 4. - Cơ cấu tổ chức của Đại học Huế gồm có:

A. Các tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

1. Trường Đại học Đại cương.
2. Trường Đại học Khoa học (tự nhiên và nhân văn - xã hội).
3. Trường Đại học Y khoa.
4. Trường Đại học Sư phạm.

5. Trường Đại học Nông lâm.

6. Trường Đại học Nghệ thuật.

7. Các Trung tâm nghiên cứu khoa học (do Giám đốc Đại học Huế đề nghị, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập).

B. Các đơn vị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học:

1. Thư viện.
2. Trung tâm máy tính.

C. Các phòng chức năng giúp việc Giám đốc (do Giám đốc quyết định sau khi được sự chấp thuận của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Điều 5. - Lãnh đạo Đại học Huế gồm:

Giám đốc, các Phó Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm. Hiệu trưởng các trường Đại học và Giám đốc các Trung tâm nghiên cứu thuộc Đại học Huế do Giám đốc Đại học Huế đề nghị, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm. Đại học Huế có Hội đồng khoa học và đào tạo làm chức năng tư vấn cho Giám đốc Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng này.

Điều 6. - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ Xây dựng, Tài chính và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế lập luận chứng kinh tế kỹ thuật cải tạo các cơ sở cũ và xây dựng cơ sở mới cho Đại học Huế trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 7. - Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các quyết định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 8. - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIỆT